

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 28/2015/QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày 18 tháng 9 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng
giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân số 11/2003/QH11 ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 39/2011/TT-BGTVT ngày 18 tháng 5 năm 2011 của Bộ Giao thông Vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông Vận tải tại Tờ trình số 284/TTr-SGTVT ngày 21/7/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 2. Giao Sở Giao thông Vận tải chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan ở tỉnh tổ chức thực hiện, theo dõi, kiểm tra, hướng dẫn và định kỳ 06 tháng, hàng năm báo cáo kết quả thực hiện Quyết định này cho Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2015.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành có liên quan ở tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Ngọc Nghị

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH
Về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng
giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk
(Ban hành kèm theo Quyết định số 28/2015/QĐ-UBND
ngày 18 tháng 9 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk (đường tỉnh, đường huyện, đường đô thị, đường xã) bao gồm: Quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; sử dụng, khai thác phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; thi công và cấp phép thi công công trình trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, trách nhiệm quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

2. Những nội dung về quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng đường đô thị không được đề cập tại Quy định này được thực hiện theo Quyết định số 12/2011/QĐ-UBND ngày 07 tháng 6 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định Phân cấp quản lý đường đô thị trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk và các quy định tại Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (sau đây gọi tắt là Nghị định số 11/2010/NĐ-CP); Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP (sau đây gọi tắt là Nghị định số 100/2013/NĐ-CP); Thông tư số 39/2011/TT-BGTVT ngày 18/5/2011 của Bộ Giao thông Vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP (sau đây gọi tắt là Thông tư số 39/2011/TT-BGTVT) và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động quản lý, bảo vệ và khai thác, sử dụng đất trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Đường tỉnh* là đường nối trung tâm hành chính của tỉnh với trung tâm hành chính của huyện hoặc trung tâm hành chính của tỉnh lân cận; đường có vị trí quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2. *Đường huyện* là đường nối từ trung tâm hành chính của huyện với trung tâm hành chính của xã, cụm xã hoặc trung tâm hành chính của huyện lân cận; đường có vị trí quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

3. *Đường xã* là đường nối trung tâm hành chính của xã với các thôn, buôn và đơn vị tương đương hoặc đường nối với các xã lân cận; đường có vị trí quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của xã;

4. *Đường đô thị (hay đường phố)* là đường bộ nằm trong phạm vi nội thành, nội thị, được giới hạn bởi chỉ giới đường đỏ theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

5. *Đường nhánh* là đường nối vào đường chính.

6. *Đường gom* là đường để gom hệ thống đường giao thông nội bộ của các khu đô thị, công nghiệp, kinh tế, dân cư, thương mại - dịch vụ và các đường khác vào đường chính hoặc vào đường nhánh trước khi đầu nối vào đường chính.

7. *Hành lang an toàn đường bộ* là phần đất dọc hai bên đất của đường bộ (kể cả phần mặt nước dọc hai bên cầu, hầm, bến phà, cầu phao) nhằm bảo đảm an toàn giao thông và bảo vệ công trình đường bộ (trường hợp đường bộ đi chung với công trình thủy lợi, hành lang an toàn đường bộ theo quy định của pháp luật về đê điều).

8. *Kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ* gồm công trình đường bộ, bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ và các công trình phụ trợ khác trên đường bộ phục vụ giao thông và hành lang an toàn đường bộ.

9. *Đầu nối công trình vào đường bộ* là việc kết nối đường dẫn từ: Trụ sở, nhà ở, cửa hàng, nhà xưởng, đường dẫn ra vào trạm xăng dầu, trạm dừng nghỉ, đường nhánh, đường chuyên dùng, đường huyện, đường xã, đường đô thị, đường nối từ đường gom vào trực tiếp đường bộ.

10. *Cơ quan quản lý đường bộ địa phương* là Sở Giao thông Vận tải, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện); Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã).

CHƯƠNG II

QUY HOẠCH, QUẢN LÝ QUY HOẠCH, PHÂN LOẠI ĐƯỜNG BỘ VÀ PHÂN CẤP QUẢN LÝ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

Điều 4. Lập quy hoạch kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ

1. Nguyên tắc quy hoạch kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thực hiện theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 11/2010/NĐ-CP.

2. Đối với quy hoạch kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ cấp tỉnh áp dụng theo quy định tại Khoản 2 Điều 7 Nghị định số 11/2010/NĐ-CP.

3. Đối với quy hoạch kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ cấp huyện: Khi xây dựng và phê duyệt quy hoạch phải đảm bảo mối gắn kết với các hệ thống quy hoạch

phát triển kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc gia, cấp tỉnh và các quy hoạch khác có liên quan trên địa bàn; đồng thời quá trình xây dựng quy hoạch phải có ý kiến góp ý của các sở, ngành, địa phương liên quan và thỏa thuận của Sở Giao thông Vận tải.

4. Nội dung quy hoạch kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thực hiện theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 11/2010/NĐ-CP.

5. Cấp kỹ thuật của đường bộ thực hiện theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 11/2010/NĐ-CP.

Điều 5. Quỹ đất dành cho kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ

1. Quỹ đất dành cho kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ là quỹ đất dành để xây dựng các công trình giao thông đường bộ được xác định tại quy hoạch kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ. Ủy ban nhân dân tỉnh xác định và quản lý quỹ đất dành cho xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo quy hoạch đã được phê duyệt.

2. Đối với đô thị xây dựng mới, tỷ lệ quỹ đất giao thông đô thị so với đất đô thị phải đảm bảo theo quy định tại Khoản 2 Điều 8 Nghị định số 11/2010/NĐ-CP. Quỹ đất dành cho giao thông đô thị là diện tích đất dành cho xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông đô thị, không bao gồm diện tích sông ngòi, ao, hồ và các công trình giao thông xây dựng ngầm.

3. Xây dựng và quản lý quỹ đất dành cho giao thông đảm bảo yếu tố phát triển hạ tầng giao thông một cách bền vững. Các cơ quan quản lý phải thường xuyên theo dõi các yếu tố phát sinh, bất hợp lý hoặc chưa phù hợp của quy hoạch để tham mưu cấp có thẩm quyền điều chỉnh kịp thời.

Điều 6. Quản lý quy hoạch kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ

1. Quy hoạch được phê duyệt phải được công bố kịp thời các chỉ giới quy hoạch và cắm mốc quy hoạch của các tuyến đường sau khi quy hoạch được phê duyệt, đồng thời tổ chức quản lý chặt chẽ việc sử dụng, khai thác quỹ đất trong quy hoạch phát triển đường bộ nhằm giảm thiểu kinh phí đầu tư.

2. Đầu tư xây dựng hệ thống giao thông đường bộ phải theo đúng quy hoạch và phân kỳ đầu tư được duyệt, ưu tiên xây dựng hệ thống đường trục chính và các vùng khó khăn.

3. Trên cơ sở quy hoạch phát triển hệ thống giao thông, các cơ quan quản lý đường bộ tổ chức phân loại và phân cấp để các cấp, các ngành quản lý nhằm nâng cao hiệu quả khai thác, quản lý bảo trì và phù hợp với từng giai đoạn của quy hoạch.

Điều 7. Phân loại đường bộ và phân cấp quản lý đường bộ

1. Mạng lưới giao thông đường bộ địa phương được chia thành 5 (năm) hệ thống, gồm: Đường tỉnh (tỉnh lộ), đường huyện, đường xã, đường đô thị và đường chuyên dùng.

2. Thẩm quyền phân loại và điều chỉnh các hệ thống đường bộ quy định như sau:

a) Hệ thống đường tỉnh, đường đô thị do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định sau khi thỏa thuận với Bộ Giao thông Vận tải (đối với đường tỉnh) và thỏa thuận với Bộ Giao thông Vận tải và Bộ Xây dựng (đối với đường đô thị).

b) Hệ thống đường huyện, đường xã do Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định sau khi được Sở Giao thông Vận tải thỏa thuận, Ủy ban nhân dân tỉnh đồng ý.

3. Nguyên tắc đặt tên hoặc số hiệu đường bộ thực hiện theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 11/2010/NĐ-CP: Điểm đầu, điểm cuối của đường tỉnh, đường huyện, được xác định theo hướng Bắc - Nam hoặc Đông - Tây hoặc từ trung tâm hành chính huyện đến trung tâm hành chính xã, phường, thị trấn hoặc từ quốc lộ đến trung tâm hành chính huyện, xã, phường, thị trấn.

4. Phân cấp quản lý

a) Sở Giao thông Vận tải quản lý hệ thống đường tỉnh và các tuyến quốc lộ do Bộ Giao thông Vận tải ủy thác quản lý (như phụ lục kèm theo).

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý hệ thống đường huyện, đường đô thị trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố.

c) Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với hệ thống đường xã (bao gồm cả đường giao thông nông thôn).

Điều 8. Số hiệu và mã số đường tỉnh, đường huyện, đường đô thị

1. Đường tỉnh

a) Nguyên tắc, cách đặt số hiệu đường tỉnh thực hiện theo quy định tại Điều 3, Điều 4 Nghị định số 11/2010/NĐ-CP.

b) Mã số đường tỉnh để đặt số hiệu của hệ thống đường tỉnh, thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 30 Thông tư số 39/2011/TT-BGTVT.

2. Đường huyện

a) Nguyên tắc, cách đặt số hiệu đường huyện thực hiện theo quy định tại Điều 3, Điều 4 Nghị định số 11/2010/NĐ-CP.

b) Mã số đường huyện là số tự nhiên có từ 01 (một) đến 03 (ba) chữ số; mã số quy định đặt số hiệu theo đơn vị hành chính như sau:

TT	Tên đơn vị hành chính	Số hiệu	TT	Tên đơn vị hành chính	Số hiệu
1	Thành phố BMT	01 - 10	9	Huyện Krông Bông	91 - 100
2	Thị xã Buôn Hồ	11 - 20	10	Huyện Krông Búk	101 - 110
3	Huyện Cư Kuin	21 - 30	11	Huyện Krông Năng	111 - 125
4	Huyện Cư Mgar	31 - 45	12	Huyện Lắk	126 - 135
5	Huyện Buôn Đôn	46 - 55	13	Huyện M'Đrăk	136 - 145
6	Huyện Ea Kar	56 - 70	14	Huyện Ea Hleo	146 - 155
7	Huyện Ea Súp	71 - 80	15	Huyện Krông Pắc	156 - 165
8	Huyện Krông Ana	81 - 90			

Tên đường huyện đặt theo số hiệu quy định chung như sau: ĐH.x

Trong đó:

+ “ĐH” là ký hiệu viết tắt của tên hệ thống đường huyện.

+ “x” là số thứ tự của các tuyến đường huyện thuộc huyện đó, là số tự nhiên có từ 01 (một) đến 03 (ba) chữ số như bảng trên.

Trường hợp sau khi đặt hết số hiệu mà vẫn còn tuyến tiếp theo chưa có số hiệu, thì xem xét tuyến đường đó có mối liên kết với các tuyến liền kề khác để lấy số hiệu và gắn với các chữ cái B, C. Ví dụ: ĐH. 40B, ĐH. 40C...

3. Đường đô thị thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3, Điều 4 Nghị định số 11/2010/NĐ-CP.

4. Đối với hệ thống đường xã (trục xã, trục thôn, ngõ xóm)

a) Đối với hệ thống đường xã (ĐX)

Tên đường xã đặt theo số hiệu quy định chung như sau: ĐX.y

Trong đó:

+ “ĐX” là ký hiệu viết tắt của tên hệ thống đường xã.

+ “y” là số thứ tự của các tuyến đường xã trên địa bàn, gồm 02 (hai) chữ số tự nhiên từ 01 đến 99.

Trường hợp sau khi đặt hết số hiệu mà vẫn còn tuyến tiếp theo chưa có số hiệu, thì xem xét tuyến đường đó có mối liên kết với các tuyến liền kề khác để lấy số hiệu và gắn với các chữ cái B, C. Ví dụ: ĐX. 10B, ĐX. 10C...

b) Đối với hệ thống đường trục thôn, ngõ xóm

Tên đường trục thôn, ngõ xóm đặt tên quy định chung như sau: Đường A

Trong đó: A là tên đường được đặt theo địa danh hoặc theo tập quán.

CHƯƠNG III

BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

Điều 9. Phạm vi đất dành cho đường bộ

1. Phạm vi đất dành cho đường bộ gồm đất của đường bộ và đất hành lang an toàn đường bộ.

2. Đất của đường bộ bao gồm phần đất trên đó công trình đường bộ được xây dựng và phần đất dọc hai bên đường bộ để quản lý, bảo trì, bảo vệ công trình đường bộ (dưới đây gọi tắt phần đất dọc hai bên đường bộ để quản lý, bảo trì, bảo vệ công trình đường bộ là phần đất bảo vệ, bảo trì đường bộ).

Phần đất bảo vệ, bảo trì đường bộ có bề rộng theo cấp đường, được xác định từ mép ngoài cùng của nền đường bộ (chân mái đường đắp hoặc mép ngoài của rãnh dọc tại các vị trí không đào không đắp hoặc mép đỉnh mái đường đào) ra mỗi bên như sau:

- a) 3m (ba mét) đối với đường cao tốc, đường cấp I, cấp II.
- b) 2m (hai mét) đối với đường cấp III.
- c) 1m (một mét) đối với đường từ cấp IV trở xuống.

3. Phần đất bảo vệ, bảo trì công trình dùng để giữ vật tư sử dụng cho bảo trì, để di chuyển hoặc đặt các thiết bị thực hiện việc bảo trì, chống tràn chất bẩn từ mặt đường ra hai bên đường, chống xâm hại công trình đường bộ.

4. Đất của đường bộ được Nhà nước giao cho cơ quan quản lý đường bộ để quản lý, bảo trì, bảo vệ công trình đường bộ và không phải đóng tiền sử dụng đất.

5. Đối với đường bộ xây dựng mới hoặc nâng cấp, cải tạo, chủ đầu tư phải xác định giới hạn đất của đường bộ và lập thủ tục đề nghị cấp có thẩm quyền thu hồi đất, thực hiện bồi thường theo quy định của pháp luật về đất đai.

6. Đối với công trình đường bộ đang khai thác thì cơ quan quản lý đường bộ cùng cơ quan quản lý đất đai của địa phương phải xác định giới hạn đất dành cho đường bộ và phải có kế hoạch hàng năm thu hồi đất của người sử dụng đất để quản lý theo quy định, ưu tiên giải quyết thu hồi đất với các đường bộ từ cấp III trở lên.

Điều 10. Phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ

1. Giới hạn hành lang an toàn đối với công trình đường bộ được thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 1 Nghị định số 100/2013/NĐ-CP; Điều 16, Điều 19, Điều 21, Điều 22 Nghị định số 11/2010/NĐ-CP (trừ các công trình không có tại địa phương).

2. Giới hạn khoảng cách an toàn đường bộ theo chiều ngang: Đối với công trình cột ăng ten viễn thông, đường dây thông tin, đường dây tải điện thì tính từ chân mái đường đắp hoặc mép đỉnh mái đường đào đến chân cột tối thiểu bằng 1,3 (một phẩy ba) lần chiều cao của cột và không được nhỏ hơn 5m (năm mét).

3. Giới hạn khoảng cách an toàn đường bộ theo chiều ngang của biển quảng cáo, tính từ mép đất của đường bộ đến điểm gần nhất của biển quảng cáo, tối thiểu bằng 1,3 (một phẩy ba) lần chiều cao của biển (điểm cao nhất của biển) và không được nhỏ hơn 5m (năm mét).

4. Trường hợp đường bộ đi qua khu vực nội thành, nội thị, giới hạn khoảng cách an toàn đường bộ theo chiều ngang bằng bề rộng của chỉ giới xây dựng theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

5. Trường hợp đường bộ đi qua khu vực miền núi có địa hình núi cao, vực sâu, giới hạn khoảng cách an toàn đường bộ theo chiều ngang đối với cột của công trình thiết yếu được phép nhỏ hơn khoảng cách quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều này nhưng tối thiểu phải cách mép phần xe chạy 2m (hai mét). Giới hạn do cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền quyết định cụ thể trong văn bản chấp thuận xây dựng công trình.

6. Giới hạn khoảng cách an toàn đường bộ phần dưới mặt đất, phần dưới mặt nước: Đối với công trình đường bộ do cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền quy

định đối với từng công trình cụ thể, phù hợp với yêu cầu kỹ thuật, bảo đảm an toàn giao thông, an toàn công trình, không ảnh hưởng đến việc quản lý, bảo trì đường bộ.

7. Phạm vi bảo vệ đối với một số công trình khác trên đường bộ được thực hiện theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 11/2010/NĐ-CP.

CHƯƠNG IV

SỬ DỤNG, KHAI THÁC PHẠM VI BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

Điều 11. Sử dụng, khai thác phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với quốc lộ

Việc sử dụng, khai thác phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với quốc lộ thực hiện theo quy định tại Thông tư số 39/2011/TT-BGTVT và các hướng dẫn của Bộ Giao thông Vận tải, Tổng cục Đường bộ Việt Nam.

Điều 12. Sử dụng, khai thác phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với đường tỉnh, đường huyện, đường xã

1. Phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ chỉ dành để xây dựng công trình đường bộ và công trình sử dụng, khai thác cho mục đích an toàn giao thông vận tải đường bộ; trừ một số công trình thiết yếu quy định tại Khoản 2 Điều 26 Nghị định số 11/2010/NĐ-CP, Khoản 1 Điều 12 Thông tư số 39/2011/TT-BGTVT không thể bố trí ngoài phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ nhưng phải được cơ quan có thẩm quyền cho phép. Nghiêm cấm xây dựng trái phép các loại công trình khác trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

2. Các khu công nghiệp, khu kinh tế, khu dân cư, khu thương mại - dịch vụ hoặc các dự án xây dựng khác dọc đường bộ phải nằm ngoài hành lang an toàn đường bộ và phải có đường gom nối các đường nội bộ của dự án vào các đường nhánh; trường hợp không có đường nhánh, được đầu nối trực tiếp đường gom vào (đường tỉnh, đường huyện, đường xã), nhưng phải bảo đảm khoảng cách tối thiểu giữa hai điểm đầu nối vào các đường nêu trên được quy định tại Điều 14 Quy định này.

3. Đường gom phải nằm ngoài hành lang an toàn đường bộ, đường gom được xây dựng theo hướng sử dụng cho một hoặc nhiều dự án liền kề. Trường hợp đặc biệt do điều kiện địa hình, địa vật khó khăn hoặc không đủ quỹ đất, có thể xem xét cho phép một phần đường gom nằm trong hành lang an toàn đường bộ; Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đối với các hệ thống đường địa phương, trên cơ sở đề xuất của Ủy ban nhân dân cấp huyện và ý kiến thẩm định của Sở Giao thông Vận tải.

4. Đất hành lang an toàn đường bộ được tạm thời sử dụng vào mục đích nông nghiệp, quảng cáo nhưng không được ảnh hưởng đến an toàn công trình, an toàn giao thông đường bộ tuân theo quy định tại các Khoản 1, 2, 3, 5 Điều 28 Nghị định số 11/2010/NĐ-CP và Khoản 10 Điều 10 Thông tư số 39/2011/TT-BGTVT.

5. Đối với việc khai thác, sử dụng đất hành lang an toàn đường bộ: Công trình nhà ở, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có sử dụng đất hành lang an toàn đường bộ nhưng chưa ảnh hưởng đến an toàn giao thông, an toàn công trình đường bộ, được tạm thời tồn tại nhưng phải giữ nguyên hiện trạng không được coi nới, mở rộng; người sử dụng đất phải ký cam kết với Ủy ban nhân dân cấp xã và đơn vị trực tiếp quản lý tuyến đường về việc không coi nới, mở rộng. Trường hợp công trình bị xuống cấp, chưa được nhà nước đền bù, giải toả và người sử dụng có nhu cầu để sử dụng, xem xét kiểm kê đất và tài sản trên đó để có cơ sở đền bù hoặc cấp phép thi công tạm thời.

6. Đường nhánh đầu nối vào đường đang khai thác phải được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận điểm đầu nối và cấp phép thi công. Nút giao của đường nhánh đầu nối vào đường đang khai thác phải được thiết kế, thi công đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật, an toàn giao thông và không ảnh hưởng đến sự bền vững của kết cấu công trình đường đang khai thác.

7. Không được sử dụng đất dành cho đường bộ làm nơi ở, hoạt động kinh doanh dịch vụ; neo đậu tàu, thuyền và xây dựng các công trình làm thay đổi dòng chảy, gây xói lở mất an toàn công trình cầu, cầu phao, bến phà, kè chỉnh trị dòng nước và kè chống xói nền đường.

8. Không được sử dụng gầm cầu đường bộ làm nơi ở, hoạt động kinh doanh dịch vụ, điểm dừng xe, bến xe gây mất an toàn công trình cầu, mất an toàn giao thông, ô nhiễm môi trường.

Trường hợp sử dụng gầm cầu đường bộ trong đô thị làm bãi đỗ xe tạm thời phải được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đối với gầm cầu trên đường đô thị do địa phương quản lý, Bộ Giao thông Vận tải quyết định đối với gầm cầu trên quốc lộ đi qua đô thị trên cơ sở đề xuất của Ủy ban nhân dân tỉnh. Sở Giao thông Vận tải là cơ quan chịu trách nhiệm về việc tổ chức sử dụng gầm cầu đường bộ trong đô thị làm bãi đỗ xe tạm thời. Bãi đỗ xe tạm thời phải đảm bảo an toàn phòng chống cháy nổ, an toàn giao thông, bảo vệ môi trường và tạo điều kiện thuận lợi cho đơn vị kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa cầu theo quy định.

CHƯƠNG V

QUY ĐỊNH ĐẦU NỐI CÔNG TRÌNH VÀO ĐƯỜNG BỘ

Điều 13. Nguyên tắc đầu nối công trình vào đường bộ địa phương

1. Đầu nối đường nhánh vào quốc lộ thực hiện theo quy định tại Thông tư số 39/2011/TT-BGTVT và Quy hoạch các điểm đầu nối vào các quốc lộ: Quốc lộ 14, Quốc lộ 26, Quốc lộ 27, Quốc lộ 29 qua địa bàn tỉnh Đắk Lắk đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

2. Việc đầu nối công trình trực tiếp vào đường bộ (bao gồm cả đường đô thị) chỉ được thực hiện khi có quyết định phê duyệt quy hoạch của cơ quan có thẩm quyền.

3. Đối với quy hoạch các điểm đầu nối vào đường tỉnh

a) Căn cứ vào quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch phát triển giao thông vận tải của tỉnh đến năm 2020 và định hướng năm 2030, chủ đầu tư chủ động phối hợp với Sở Giao thông Vận tải xây dựng quy hoạch, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

b) Trường hợp chủ đầu tư tự xây dựng trước khi Quy định này có hiệu lực, Chủ đầu tư có trách nhiệm phối hợp với Sở Giao thông Vận tải xem xét bổ sung quy hoạch, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, nhằm bảo đảm an toàn giao thông và phù hợp với quy hoạch phát triển giao thông vận tải của tỉnh.

4. Đối với các điểm đầu nối vào đường huyện: Căn cứ quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của huyện, chủ đầu tư có trách nhiệm phối hợp với đơn vị quản lý trực tiếp đường bộ xây dựng quy hoạch các điểm đầu nối vào đường huyện (bao gồm cả đường đô thị); trước khi trình Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt phải có văn bản thỏa thuận của Sở Giao thông Vận tải về bảo đảm an toàn giao thông và tính phù hợp với quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ra quyết định phê duyệt quy hoạch các điểm đầu nối vào đường huyện và chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

5. Các đường từ nhà ở chỉ được đầu nối vào đường bộ thông qua đường gom, đường nhánh; các đường đã có từ trước phải được xóa bỏ dần và thay thế bằng đường gom theo quy hoạch các điểm đầu nối đã được cấp thẩm quyền phê duyệt.

6. Đường nhánh được đầu nối vào đường tỉnh đang khai thác thực hiện theo Quy định này. Trường hợp cần thiết, cơ quan có thẩm quyền xem xét, cho phép đường nhánh đầu nối tạm thời có thời hạn để vận chuyển vật tư, thiết bị và thi công kết cấu hạ tầng của dự án nằm ngoài phạm vi đất dành cho đường bộ.

7. Cao độ đường nhánh, đường ra - vào tại vị trí đầu nối với cửa hàng xăng dầu hoặc các công trình khác phải đảm bảo thoát nước trong khu vực hoặc thấp hơn cao độ mặt đường chính.

Điều 14. Khoảng cách tối thiểu giữa hai điểm đầu nối

1. Khoảng cách tối thiểu giữa hai điểm đầu nối dọc theo mỗi bên của đoạn tuyến đối với: đường giao thông công cộng, đường ra - vào khu công nghiệp, khu dân cư, khu thương mại - dịch vụ, khu hành chính vào:

- Đường tỉnh: Không nhỏ hơn 500m (năm trăm mét).
- Đường huyện: Không nhỏ hơn 300m (ba trăm mét).
- Đường xã: Không nhỏ hơn 200m (hai trăm mét).

2. Khoảng cách tối thiểu giữa hai điểm đầu nối dọc theo mỗi bên của đoạn tuyến, đối với cửa hàng kinh doanh xăng dầu: Theo quy hoạch cửa hàng xăng dầu đã được cấp thẩm quyền phê duyệt.

3. Trường hợp đặc biệt, bức thiết các điểm đầu nối cần phải điều chỉnh, bổ sung để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương nhưng không đảm bảo khoảng cách tối thiểu giữa hai điểm đầu nối theo Quy định này thì Ủy ban nhân dân

cấp huyện, các cơ quan liên quan có văn bản trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét đối với từng trường hợp cụ thể trên cơ sở thỏa thuận của Sở Giao thông Vận tải.

Điều 15. Thẩm quyền giải quyết, trình tự, cách thức thực hiện thủ tục hành chính.

1. Thẩm quyền giải quyết được quy định cụ thể như sau:

Sở Giao thông Vận tải, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền giải quyết đối với dự án, công trình liên quan theo phân cấp tại Khoản 4 Điều 7 Quy định này.

2. Cách thức thực hiện: Tổ chức, đơn vị nộp hồ sơ và nhận kết quả trực tiếp tại trụ sở cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính qua phòng một cửa hoặc qua bộ phận văn thư của cơ quan có thẩm quyền giải quyết được quy định tại Khoản 1 Điều này vào các ngày làm việc trong tuần, trong giờ hành chính hoặc thông qua hệ thống bưu chính, có ghi rõ địa chỉ, số điện thoại của tổ chức, đơn vị để tiện liên lạc, hướng dẫn, bổ sung hồ sơ khi cần thiết.

3. Trình tự thực hiện như sau:

a) Tổ chức, đơn vị nộp hồ sơ cho cơ quan có thẩm quyền.

b) Cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ. Đối với trường hợp nộp trực tiếp, sau khi kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu không đúng quy định, hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ; nếu đúng quy định, viết giấy hẹn lấy kết quả.

c) Cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính tiến hành thẩm định hồ sơ; nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, có văn bản hướng dẫn hoàn thiện (đối với trường hợp nộp hồ sơ thông qua hệ thống bưu chính); nếu đủ điều kiện, có văn bản chấp thuận hoặc cấp giấy phép thi công. Trường hợp không chấp thuận hoặc không cấp phép, phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

Điều 16. Quy hoạch các điểm đầu nối vào đường bộ địa phương

Trường hợp những vị trí chưa có quy hoạch đầu nối, để được đầu nối hợp pháp vào đường bộ địa phương phải được cơ quan thẩm quyền chấp thuận, đồng thời khi triển khai lập quy hoạch đầu nối của địa phương phải đưa vào quy hoạch tổng thể để quản lý theo quy định, quá trình thực hiện như sau:

1. Lập quy hoạch và thỏa thuận quy hoạch

a) Chủ đầu tư phối hợp với đơn vị quản lý trực tiếp đường bộ tổ chức thống kê, lập báo cáo hiện trạng; phân loại và xử lý các trường hợp vi phạm hành lang an toàn đường bộ, vi phạm quy định đầu nối vào đường bộ địa phương.

b) Căn cứ quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương được cấp thẩm quyền phê duyệt, Ủy ban nhân dân cấp huyện phối hợp với đơn vị quản lý trực tiếp đường bộ tiến hành lập quy hoạch các điểm đầu nối thuộc các tuyến đường bộ, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu dân cư, khu thương mại - dịch vụ, cửa hàng xăng dầu có nhu cầu đầu nối vào đường bộ; trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét chấp thuận, chủ đầu tư phải có văn bản thỏa thuận của Sở Giao thông Vận tải về bảo

đảm an toàn giao thông và phù hợp với quy hoạch phát triển giao thông vận tải của tỉnh.

2. Hồ sơ thỏa thuận gồm:

a) Văn bản đề nghị thỏa thuận của chủ đầu tư kèm theo:

- Bảng danh mục và sơ đồ các điểm đầu nối hiện có, số lượng các điểm đầu nối mới của từng tuyến đường trên địa bàn. Trong danh mục và sơ đồ thể hiện đủ số lượng, vị trí và khoảng cách các điểm đầu nối; đồng thời đảm bảo yêu cầu về cấp kỹ thuật đường bộ và khoảng cách tối thiểu giữa hai điểm đầu nối theo hướng dẫn của Bộ Giao thông Vận tải và theo quy định tại Điều 14 Quy định này.

- Đối với các vị trí đầu nối cho các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu thương mại - dịch vụ, khu dân cư, cửa hàng xăng dầu... thì ưu tiên vị trí đầu nối cho các công trình quan trọng hoặc đã có trong quy hoạch phát triển của địa phương, sau đó là các vị trí đã có từ trước.

b) Bản thuyết minh về giải pháp an toàn giao thông trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ và đầu nối theo hướng dẫn tại Quy định này và Thông tư số 39/2011/TT-BGTVT.

c) Quyết định phê duyệt quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương hoặc văn bản chấp thuận đầu tư do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt (bản sao).

d) Căn cứ quy hoạch phát triển giao thông vận tải của tỉnh đã được phê duyệt, Sở Giao thông Vận tải phối hợp với chủ đầu tư để hoàn thiện các thủ tục và triển khai thực hiện thỏa thuận theo quy định.

3. Hồ sơ thỏa thuận (áp dụng cho chủ đầu tư là tổ chức, cá nhân thực hiện thỏa thuận đầu nối riêng lẻ) gồm:

a) Bản đề nghị thỏa thuận xây dựng điểm đầu nối với đường bộ (bản chính).

b) Bản vẽ sơ bộ bình đồ đoạn tuyến có điểm đầu nối (từ điểm đầu nối về mỗi hướng tuyến đường 1.000m) (bản chính).

c) Thỏa thuận địa điểm đầu tư (giấy phép xây dựng, quyết định phê duyệt quy hoạch dự án, hợp đồng thuê đất - nhà kho - nhà xưởng) (bản sao).

d) Trích lục bản đồ tại vị trí dự kiến đầu nối (bản sao).

4. Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ.

5. Thời hạn giải quyết trong 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

6. Văn bản thỏa thuận được gửi cho: Ủy ban nhân dân tỉnh để xem xét chấp thuận cho phép đầu nối vào đường địa phương, Sở Giao thông Vận tải, Ủy ban nhân dân cấp huyện để triển khai thực hiện cấp phép thi công; Ủy ban nhân dân cấp xã để theo dõi, kiểm tra, giám sát.

Điều 17. Phê duyệt và thực hiện quy hoạch

1. Phê duyệt và thực hiện quy hoạch

a) Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt quy hoạch các điểm đầu nối vào đường tỉnh, Sở Giao thông Vận tải công bố và tổ chức thực hiện quy hoạch.

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt quy hoạch các điểm đầu nối vào hệ thống đường huyện, đường đô thị (trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố) và công bố, tổ chức thực hiện quy hoạch.

c) Khi cần xây dựng mới hoặc cải tạo, mở rộng điểm đầu nối có trong quy hoạch, căn cứ văn bản cho phép sử dụng điểm đầu nối của cấp có thẩm quyền, tổ chức, cá nhân sử dụng điểm đầu nối lập hồ sơ theo quy định tại Điều 18 Quy định này để được giải quyết.

2. Sau khi xây dựng đường gom, xây dựng mới hoặc cải tạo, mở rộng các điểm đầu nối theo quy hoạch các điểm đầu nối được phê duyệt, Sở Giao thông Vận tải (đối với đường tỉnh), Ủy ban nhân dân cấp huyện (đối với đường huyện, đường đô thị) phải xóa bỏ các điểm không đảm bảo khoảng cách tối thiểu ở lân cận điểm đầu nối đó.

3. Nút giao đầu nối vào đường bộ đang khai thác chỉ được thi công sau khi đã được cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông, có giấy phép thi công theo quy định.

Điều 18. Chấp thuận thiết kế kỹ thuật, phương án tổ chức giao thông của nút giao, điều kiện đảm bảo trật tự an toàn giao thông cho điểm đầu nối

1. Cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Khoản 4 Điều 7 Quy định này chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức thi công nút giao đầu nối vào hệ thống đường địa phương.

2. Trình tự, cách thức thực hiện thủ tục theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 15 Quy định này.

3. Hồ sơ đề nghị chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông của nút giao:

a) Thành phần hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút giao; trong đó, cam kết tự di chuyển hoặc cải tạo nút giao và không đòi bồi thường khi ngành đường bộ có yêu cầu di chuyển hoặc cải tạo (bản chính) theo mẫu được quy định tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 39/2011/TT-BGTVT.

- Quy hoạch các điểm đầu nối vào đường bộ địa phương đã được cấp thẩm quyền phê duyệt (bản sao); trường hợp chưa có quy hoạch các điểm đầu nối được duyệt thì chủ đầu tư phải có văn bản cam kết đưa vị trí này vào quy hoạch đầu nối của địa phương để cơ quan thẩm quyền xem xét giải quyết.

- Văn bản của cơ quan có thẩm quyền về chủ trương cho phép đầu tư hoặc quyết định giao đất, cho thuê đất (bản sao) cấp cho tổ chức, cá nhân làm chủ đầu tư hoặc chủ sử dụng nút giao.

- Thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút giao (có biện pháp tổ chức thi công bảo đảm an toàn giao thông) do tổ chức tư vấn được phép hành nghề trong lĩnh vực công trình đường bộ lập (bản chính).

b) Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết trong 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

5. Đối với các dự án đường bộ xây dựng mới có đầu nối vào tỉnh lộ đã được Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Sở Giao thông Vận tải phê duyệt thiết kế kỹ thuật, không phải thực hiện bước đề nghị chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông.

6. Văn bản chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút giao có giá trị trong thời gian 12 tháng kể từ ngày ban hành, nếu quá 12 tháng, làm đơn đề nghị gia hạn. Thời gian gia hạn: Chỉ gia hạn một lần với thời gian không quá 12 tháng.

7. Trường hợp quy hoạch các điểm đầu nối vào đường bộ địa phương đã được cấp thẩm quyền phê duyệt (bản sao); hoặc văn bản chấp thuận của Sở Giao thông Vận tải cho phép đầu nối đường nhánh vào đường tỉnh đối với các trường hợp đường tỉnh chưa có quy hoạch các điểm đầu nối vào tỉnh lộ được phê duyệt (bản sao).

Điều 19. Cấp phép thi công nút giao đầu nối

1. Sau khi có văn bản chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền, chủ đầu tư hoặc chủ sử dụng nút giao phải thực hiện các thủ tục dưới đây để đảm bảo công trình nút giao đầu nối được cấp phép và triển khai thi công:

a) Hoàn chỉnh hồ sơ thiết kế và phương án tổ chức giao thông của nút giao, biện pháp tổ chức thi công đảm bảo an toàn giao thông theo ý kiến thỏa thuận của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền.

b) Gửi hồ sơ theo quy định tại Khoản 4 Điều này đến cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Khoản 4 Điều 7 để được cấp phép thi công.

2. Công trình được đầu nối vào đường bộ chỉ được phép thi công sau khi có Giấy phép thi công do cơ quan có thẩm quyền cấp.

3. Trình tự, cách thức thực hiện thủ tục theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 15 Quy định này.

4. Hồ sơ đề nghị cấp phép thi công xây dựng đầu nối:

a) Thành phần hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị cấp phép thi công công trình (bản chính) theo mẫu được quy định tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 39/2011/TT-BGTVT.

- Văn bản chấp thuận xây dựng hoặc chấp thuận thiết kế nút giao của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền (bản sao).

- Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công (trong đó có Biện pháp tổ chức thi công đảm bảo an toàn giao thông) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (bản chính).

b) Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ.

5. Thời hạn giải quyết trong 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

6. Nút giao phải được cơ quan cấp phép thi công nghiệm thu và chấp thuận đưa vào khai thác, sử dụng.

7. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm về chất lượng công trình nút giao ảnh hưởng đến an toàn giao thông, bền vững kết cấu công trình đường bộ; nộp 01 bộ hồ sơ hoàn công để cơ quan cấp phép thi công lưu trữ, bổ sung, cập nhật nút giao vào hồ sơ quản lý tuyến đường, kiểm tra, xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

8. Chủ sử dụng nút giao chịu trách nhiệm bảo trì nút giao; việc bảo dưỡng thường xuyên nút giao không phải đề nghị cấp phép thi công nhưng phải chịu trách nhiệm nếu để xảy ra tai nạn giao thông; khi sửa chữa định kỳ nút giao phải đề nghị cấp phép thi công theo quy định.

CHƯƠNG VI

THI CÔNG VÀ CẤP PHÉP THI CÔNG CÔNG TRÌNH TRONG PHẠM VI BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ ĐỐI VỚI ĐƯỜNG TỈNH, ĐƯỜNG HUYỆN, ĐƯỜNG XÃ

Điều 20. Xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ

1. Tổ chức, cá nhân xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ phải thực hiện các quy định sau đây:

a) Lập và phê duyệt dự án, báo cáo kinh tế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công theo quy định của pháp luật về quản lý đầu tư và xây dựng công trình.

b) Phải được cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản ngay từ khi lập dự án hoặc báo cáo kinh tế kỹ thuật (đối với công trình thiết yếu phải lập dự án đầu tư hoặc báo cáo kinh tế kỹ thuật), cụ thể như sau:

Sở Giao thông Vận tải, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã chấp thuận xây dựng đối với công trình thiết yếu thuộc các tuyến đường theo phân cấp tại Khoản 4 Điều 7 Quy định này.

c) Trình tự, cách thức thực hiện thủ tục chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 15 Quy định này.

d) Hồ sơ đề nghị chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu:

* Thành phần hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (bản chính) theo mẫu được quy định tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 39/2011/TT-BGTVT.

- Hồ sơ thiết kế, trong đó có bình đồ, trắc dọc, trắc ngang vị trí đoạn tuyến có xây dựng công trình (bản chính). Nếu hồ sơ thiết kế là hồ sơ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công, đối với công trình thiết yếu xây lắp qua cầu, hầm hoặc các công trình đường bộ phức tạp khác, phải có Báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế (bản sao có xác nhận của chủ công trình).

- Cam kết di chuyển hoặc cải tạo công trình đúng tiến độ theo yêu cầu của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền, không được yêu cầu bồi thường và phải chịu hoàn toàn trách nhiệm kinh phí liên quan.

* Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ.

đ) Thời hạn giải quyết trong 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

e) Văn bản chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu có giá trị trong thời gian 18 tháng kể từ ngày ban hành; nếu quá 18 tháng, phải gia hạn. Thủ tục gia hạn quy định như sau:

- Đơn đề nghị gia hạn chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu của chủ công trình (bản chính) theo mẫu được quy định tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 39/2011/TT-BGTVT.

- Thời gian giải quyết trong 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

- Thời gian gia hạn: Chỉ gia hạn một lần với thời gian không quá 12 tháng.

g) Có giấy phép thi công của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền.

2. Cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ:

a) Trình tự, cách thức thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 15 Quy định này;

b) Hồ sơ đề nghị cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu:

* Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp phép thi công công trình (bản chính) theo mẫu được quy định tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 39/2011/TT-BGTVT.

- Văn bản chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền được quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều này.

- Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, thuyết minh biện pháp tổ chức thi công đảm bảo khai thác an toàn công trình đường bộ, đảm bảo an toàn giao thông, đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (bản chính).

* Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ; riêng hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công là 02 bộ.

c) Thời hạn giải quyết trong 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

3. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm về chất lượng thi công công trình thiết yếu có ảnh hưởng đến an toàn giao thông, bền vững kết cấu công trình đường bộ; chịu toàn bộ trách nhiệm liên quan đến việc xây dựng công trình thiết yếu.

4. Chủ sử dụng, kinh doanh, khai thác công trình thiết yếu chịu trách nhiệm bảo trì công trình thiết yếu; việc bảo dưỡng thường xuyên công trình thiết yếu không phải đề nghị cấp phép thi công nhưng phải chịu trách nhiệm nếu để xảy ra tai nạn giao thông; khi sửa chữa định kỳ, nếu ảnh hưởng đến an toàn giao thông, bền vững công trình đường bộ phải đề nghị cấp phép thi công theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này.

5. Trường hợp xây dựng bên ngoài phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, nếu ảnh hưởng đến an toàn giao thông, an toàn kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, việc xây dựng công trình thiết yếu phải được cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền có ý kiến chấp thuận.

6. Công trình thiết yếu được chấp thuận xây dựng và cấp phép thi công theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này, phải di chuyển kịp thời theo yêu cầu của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền; không được bồi thường, hỗ trợ di chuyển và phải chịu hoàn toàn trách nhiệm, kinh phí liên quan.

Điều 21. Xây dựng công trình đường bộ trong phạm vi đất dành cho đường bộ đang khai thác

1. Tổ chức, cá nhân xây dựng công trình đường bộ trong phạm vi đất dành cho đường bộ đang khai thác phải thực hiện các quy định sau đây:

a) Lập và phê duyệt dự án theo quy định của pháp luật về quản lý đầu tư và xây dựng công trình.

b) Phải được cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản ngay từ khi lập dự án (trừ dự án do cơ quan quản lý đường bộ làm chủ đầu tư) theo quy định như tại Điểm b Khoản 1 Điều 20 Quy định này.

c) Có giấy phép thi công của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền.

2. Cấp phép thi công công trình đường bộ trong phạm vi đất dành cho đường bộ đang khai thác:

a) Trình tự, cách thức thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 15 Quy định này.

b) Hồ sơ đề nghị cấp phép thi công:

* Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp phép thi công công trình (bản chính) theo mẫu được quy định tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 39/2011/TT-BGTVT.

- Văn bản phê duyệt hoặc chấp thuận thiết kế của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền (bản sao có xác nhận của chủ công trình).

- Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, trong đó có biện pháp tổ chức thi công đảm bảo an toàn giao thông đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (bản chính).

* Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ.

c) Thời hạn giải quyết trong 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

3. Đối với các dự án nâng cấp, cải tạo đường bộ đang khai thác do cơ quan quản lý đường bộ là chủ đầu tư, không phải đề nghị cấp giấy phép thi công, nhưng trước khi thi công Ban Quản lý dự án hoặc nhà thầu thi công phải gửi đến cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền hồ sơ có liên quan gồm: Thời gian thi công, bản giao và hoàn trả mặt bằng, phương án thi công, biện pháp tổ chức thi công bảo đảm an toàn giao thông, để cơ quan quản lý đường bộ xem xét, thỏa thuận bằng văn bản.

4. Tổ chức, cá nhân quản lý, bảo trì đường bộ làm công tác bảo dưỡng thường xuyên không phải đề nghị cấp giấy phép thi công nhưng phải nghiêm túc thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông trong suốt quá trình thực hiện nhiệm vụ.

Điều 22. Xây dựng biển quảng cáo tạm thời trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ

1. Việc xây dựng, lắp đặt biển quảng cáo trong hoặc ngoài hành lang an toàn đường bộ, tuân theo các quy định của pháp luật về quảng cáo và về quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và phải được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận theo quy định như Điểm b Khoản 1 Điều 20 Quy định này.

2. Địa điểm, nội dung lắp đặt biển quảng cáo phải phù hợp với Quy hoạch quảng cáo trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Cá nhân, tổ chức được phép lắp đặt biển quảng cáo chịu toàn bộ trách nhiệm liên quan do việc lắp đặt biển quảng cáo gây ra.

3. Cấp phép thi công biển quảng cáo tạm thời trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ:

a) Trình tự, cách thức thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 15 Quy định này.

b) Hồ sơ đề nghị cấp phép thi công:

* Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp phép thi công (bản chính) theo mẫu được quy định tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 39/2011/TT-BGTVT.

- Bản vẽ mặt bằng vị trí lắp đặt biển quảng cáo và hiện trạng khu vực.

- Bản vẽ thiết kế kiểu dáng, nội dung biển quảng cáo được cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa - thông tin chấp thuận (bản sao chứng thực).

* Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ; riêng phần bản vẽ là 02 bộ.

c) Thời hạn giải quyết trong 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

Điều 23. Tháo dỡ tường chắn, tường hộ lan

1. Các tổ chức, cá nhân có nhu cầu tháo dỡ tường chắn, tường hộ lan đối với các tuyến đường thuộc khu vực đô thị hoặc quy hoạch đô thị để phục vụ thi công... phải làm thủ tục đề nghị cấp phép thi công tại cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền theo quy định tại Khoản 4 Điều 7 Quy định này.

2. Cấp phép thi công tháo dỡ tường chắn, tường hộ lan:

a) Trình tự, cách thức thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 15 Quy định này.

b) Hồ sơ đề nghị cấp phép thi công:

* Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp phép thi công (bản chính) theo mẫu được quy định tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 39/2011/TT-BGTVT.

- Bản vẽ mặt bằng hiện trạng khu vực; vị trí, kích thước tường chắn, tường hộ lan cần tháo dỡ và thuyết minh biện pháp thi công đảm bảo an toàn giao thông.

* Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ; riêng phần bản vẽ là 02 bộ.

c) Thời hạn giải quyết trong 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

Điều 24. Gia hạn giấy phép thi công

Các loại giấy phép thi công có thời hạn theo tiến độ thi công xây dựng công trình; nếu quá thời hạn, phải gia hạn. Thủ tục gia hạn quy định như sau:

1. Đơn đề nghị gia hạn giấy phép thi công (bản chính) theo mẫu được quy định tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 39/2011/TT-BGTVT.

2. Thời gian giải quyết trong 05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

3. Trình tự, cách thức thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 15 Quy định này.

4. Thời gian gia hạn giấy phép thi công không quá thời gian thi công xây dựng công trình.

CHƯƠNG VII TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ VÀ BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

Điều 25. Trách nhiệm của các cơ quan quản lý Nhà nước

1. Sở Giao thông Vận tải:

a) Hướng dẫn việc quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh;

b) Thực hiện nhiệm vụ của cơ quan quản lý đường bộ đối với hệ thống đường được phân cấp quản lý hoặc ủy thác quản lý, hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện công tác quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ do Ủy ban nhân dân huyện quản lý;

c) Kiểm tra, thanh tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý và bảo vệ công trình giao thông đường bộ;

d) Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan liên quan: Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; giải tỏa các công trình trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ các tuyến đường được phân cấp quản lý hoặc ủy thác quản lý;

đ) Xây dựng kế hoạch, tổ chức, kiểm tra thực hiện công tác phòng chống lụt bão và khắc phục hư hỏng công trình đường bộ do thiên tai, địch họa gây ra trên các tuyến đường được phân cấp quản lý hoặc ủy thác quản lý;

e) Chỉ đạo Thanh tra Sở Giao thông Vận tải chủ trì, phối hợp với đơn vị trực tiếp quản lý đường bộ, lực lượng Công an và chính quyền địa phương thực hiện công tác bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên các tuyến đường được phân cấp quản lý hoặc ủy thác quản lý;

g) Cấp, thu hồi Giấy phép thi công, đình chỉ hoạt động gây mất an toàn giao thông, an toàn công trình đường bộ trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ các tuyến đường được phân cấp quản lý hoặc ủy thác quản lý;

h) Xây dựng kế hoạch quản lý, bảo trì đối với các tuyến đường được phân cấp quản lý hoặc ủy thác quản lý, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; phân khai chi tiết nguồn vốn được bố trí;

i) Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện đánh giá tổng hợp quá trình quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh theo quy hoạch phát triển giao thông vận tải của tỉnh; định kỳ 6 tháng, hàng năm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện:

a) Quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thuộc huyện, thành phố, thị xã quản lý;

b) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến và giáo dục nhân dân các quy định về phạm vi đất dành cho đường bộ, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

c) Quản lý việc sử dụng đất trong và ngoài hành lang an toàn đường bộ theo quy định của pháp luật; xử lý kịp thời các trường hợp lấn, chiếm, sử dụng trái phép đất hành lang an toàn đường bộ;

d) Phối hợp với lực lượng Công an, Thanh tra Sở Giao thông Vận tải, đơn vị trực tiếp quản lý đường bộ và các lực lượng liên quan thực hiện các biện pháp bảo vệ

kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn. Tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ hành lang an toàn đường bộ, chống lấn chiếm, cưỡng chế dỡ bỏ các công trình xây dựng trái phép để giải tỏa hành lang an toàn đường bộ (bao gồm cả quốc lộ, các tuyến đường tỉnh trên địa bàn quản lý);

đ) Huy động mọi lực lượng, vật tư, thiết bị để bảo vệ công trình giao thông được phân cấp quản lý, kịp thời khôi phục giao thông khi bị thiên tai, dịch họa;

e) Cấp, thu hồi Giấy phép thi công, đình chỉ hoạt động gây mất an toàn giao thông, an toàn công trình đường bộ trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên các tuyến đường huyện, đường xã theo đúng quy định hiện hành;

g) Niêm yết các thủ tục hành chính cần thực hiện trong việc cung cấp các dịch vụ hành chính công, nâng cao năng lực cho bộ máy làm công tác quản lý Nhà nước về quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, đảm bảo thực hiện những nội dung được phân công, phân cấp;

h) Báo cáo bằng văn bản theo định kỳ 6 tháng (vào ngày 15 tháng thứ 6), hàng năm (vào ngày 20 tháng 12) về thực hiện quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn theo phân cấp cho Sở Giao thông Vận tải tổng hợp.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã:

a) Quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thuộc xã quản lý;

b) Tuyên truyền, phổ biến và giáo dục nhân dân các quy định về phạm vi đất dành cho đường bộ, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; quản lý, sử dụng đất trong và ngoài hành lang an toàn đường bộ theo quy định của pháp luật;

c) Phối hợp với các đơn vị trực tiếp quản lý đường bộ và các lực lượng liên quan thực hiện các biện pháp bảo vệ công trình đường bộ, bảo vệ các mốc lộ giới, mốc giải phóng mặt bằng đã được bàn giao cho Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý;

d) Tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ hành lang an toàn đường bộ, chống lấn chiếm; phát hiện, ngăn chặn và phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền xử lý kịp thời các trường hợp lấn, chiếm, sử dụng trái phép đất hành lang an toàn đường bộ (bao gồm cả quốc lộ, các tuyến đường tỉnh, đường huyện, đường đô thị trên địa bàn quản lý);

đ) Huy động mọi lực lượng, vật tư, thiết bị tại chỗ để bảo vệ công trình giao thông theo phân cấp quản lý, kịp thời khôi phục giao thông khi bị thiên tai, dịch họa.

Điều 26. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành và đơn vị có liên quan

1. Các đơn vị thuộc thẩm quyền được giao trong quá trình thẩm định, phê duyệt các quy hoạch, các dự án đầu tư xây dựng công trình, báo cáo kinh tế - kỹ thuật và cấp Giấy chứng nhận đầu tư phải tuân thủ đúng các quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

2. Sở Xây dựng: Chỉ đạo, hướng dẫn lập và quản lý quy hoạch xây dựng theo thẩm quyền; chủ trì, phối hợp với Sở Giao thông Vận tải và Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về kết cấu hạ tầng giao thông đô thị theo quy định tại Thông tư số 04/2008/TT-BXD ngày 20 tháng 02 năm 2008 của Bộ

Xây dựng hướng dẫn quản lý đường đô thị; Thông tư số 16/2009/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2009 của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung Thông tư số 04/2008/TT-BXD.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Chỉ đạo, hướng dẫn việc thực hiện quy hoạch và xây dựng hệ thống công trình thủy lợi có liên quan đến công trình đường bộ; hướng dẫn việc sử dụng đất hành lang an toàn đường bộ để canh tác nông nghiệp bảo đảm an toàn công trình đường bộ; hướng dẫn việc khảo sát, đo đạc, sử dụng đất hành lang giao thông theo quy định của pháp luật.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường: Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện, Sở Giao thông Vận tải hướng dẫn việc khảo sát, đo đạc, phân loại và sử dụng đất hành lang an toàn đường bộ theo quy định của pháp luật.

5. Sở Công Thương: Chỉ đạo, hướng dẫn việc thực hiện quy hoạch và xây dựng hệ thống cửa hàng bán lẻ xăng dầu, công trình điện dọc theo đường bộ phù hợp với quy hoạch và tuân thủ các quy định về quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo quy định của pháp luật.

6. Sở Nội vụ: Hướng dẫn xây dựng biên chế trên cơ sở vị trí việc làm, cơ cấu công chức theo ngạch; quản lý, sử dụng biên chế hợp lý, có hiệu quả và phối hợp với Sở Giao thông Vận tải trong việc quy định chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của các cơ quan chuyên môn cấp huyện về quản lý và bảo vệ hệ thống giao thông đường bộ theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

7. Sở Tài chính:

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Giao thông Vận tải bố trí nguồn ngân sách Nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách Nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước để thực hiện công tác quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và giải tỏa hành lang an toàn đường bộ.

b) Phối hợp với Sở Giao thông Vận tải kiểm tra việc sử dụng ngân sách Nhà nước cho việc quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và giải tỏa hành lang an toàn đường bộ đối với đường tỉnh và nguồn hỗ trợ đối với đường huyện, đường xã bảo đảm sử dụng đúng mục đích.

8. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh: Chủ trì, phối hợp với Sở Giao thông Vận tải tổ chức bảo vệ công trình quốc phòng kết hợp với công trình đường bộ; tham gia quy hoạch hạ tầng giao thông trong các khu vực bố trí quốc phòng giai đoạn 2011 - 2020 và những năm tiếp theo.

9. Sở Thông tin và Truyền thông: Chỉ đạo thực hiện việc quy hoạch và xây dựng cơ sở hạ tầng thông tin và truyền thông bảo đảm kỹ thuật và an toàn công trình đường bộ.

10. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Chỉ đạo thực hiện việc quy hoạch và xây dựng các công trình liên quan đến kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ phải bảo đảm kỹ thuật và an toàn công trình đường bộ; phối hợp với Sở Giao thông Vận tải và Sở Xây dựng trong việc cấp phép lắp đặt biển quảng cáo theo đúng quy hoạch và quy định về bảo vệ hành lang an toàn đường bộ.

Điều 27. Trách nhiệm của các đơn vị trực tiếp quản lý đường bộ

a) Quản lý và duy tu sửa chữa công trình giao thông; tổ chức phân luồng đảm bảo giao thông, bảo đảm giao thông êm thuận và thông suốt; sửa chữa, bổ sung kịp thời hệ thống biển báo trên các tuyến quốc lộ được giao quản lý; tổ chức việc cắm mốc lộ giới trên các tuyến đường được giao quản lý, bàn giao cho Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý, bảo vệ phạm vi hành lang an toàn đường bộ đã được cắm mốc lộ giới.

b) Thực hiện thường xuyên công tác kiểm tra, phát hiện kịp thời các hành vi lấn chiếm, sử dụng trái phép hành lang an toàn đường bộ; ngay khi phát hiện vi phạm phải yêu cầu đối tượng vi phạm đình chỉ hành vi vi phạm và thông báo ngay cho Ủy ban nhân dân cấp xã và Thanh tra giao thông (bao gồm lực lượng Thanh tra đường bộ thuộc Tổng cục Đường bộ Việt Nam và Thanh tra giao thông thuộc Thanh tra Sở Giao thông Vận tải) phối hợp lập biên bản vi phạm hành chính để chuyển cho Ủy ban nhân dân cấp huyện xử lý.

c) Phối hợp với lực lượng Thanh tra giao thông, Công an, chính quyền địa phương thực hiện công tác cưỡng chế, giải tỏa các công trình vi phạm, lấn chiếm, sử dụng trái phép hành lang an toàn đường bộ thuộc phạm vi trực tiếp quản lý của đơn vị theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền; chịu trách nhiệm cung cấp trang thiết bị, phương tiện, nhân công để thực hiện việc cưỡng chế giải tỏa. Sau khi cưỡng chế giải tỏa phải lập biên bản bàn giao cho Ủy ban nhân dân cấp xã theo dõi, quản lý.

d) Phối hợp chặt chẽ với Sở Giao thông Vận tải, lực lượng Công an, Thanh tra giao thông và chính quyền địa phương cấp huyện, xã thực hiện nhiệm vụ phòng, chống bão lụt; tổ chức ứng cứu, khắc phục kịp thời khi có sự cố, tai nạn giao thông nghiêm trọng hoặc ùn tắc giao thông trên các tuyến quốc lộ được giao quản lý.

đ) Phối hợp với Ban An toàn giao thông tỉnh, Sở Giao thông Vận tải kiểm tra, xử lý điểm đen, thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn giao thông và các công việc khác có liên quan đến công tác đảm bảo an toàn giao thông trên các tuyến quốc lộ.

Điều 28. Trách nhiệm của lực lượng Công an

1. Chỉ đạo, hướng dẫn lực lượng chức năng trong ngành kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo thẩm quyền.

2. Phối hợp với Sở Giao thông Vận tải, Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện chức năng quản lý nhà nước về bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

3. Phối hợp với Sở Giao thông Vận tải lập phương án phối hợp bảo vệ các công trình đường bộ, đặc biệt trong công tác xử lý các hành vi lấn chiếm, sử dụng trái phép hành lang an toàn đường bộ.

4. Chỉ đạo Công an cấp huyện tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện cưỡng chế giải tỏa lấn chiếm, tái lấn chiếm hành lang đường bộ và xây dựng phương án, kế hoạch đảm bảo trật tự công cộng, trật tự an toàn giao thông, xử lý việc vi phạm và hỗ trợ lực lượng trong thời gian thực hiện cưỡng chế.

5. Phát hiện, lập biên bản vi phạm hành chính các vi phạm về công trình giao thông, hành lang an toàn đường bộ để xử lý theo thẩm quyền hoặc chuyển hồ sơ đề nghị Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền.

6. Phối hợp với lực lượng Thanh tra giao thông thực hiện công tác tuần tra, kiểm soát và xử lý các vi phạm về kết cấu hạ tầng giao thông, hành lang an toàn đường bộ, trật tự đô thị, trật tự vận tải đường bộ theo Quy chế phối hợp giữa Tổng cục Đường bộ Việt Nam và Tổng cục Cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự an toàn xã hội.

7. Phối hợp với đơn vị trực tiếp quản lý đường bộ, lực lượng Thanh tra giao thông và các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện việc cưỡng chế thực hiện quyết định xử phạt, cưỡng chế giải tỏa hành lang an toàn đường bộ theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Điều 29. Trách nhiệm của lực lượng Thanh tra giao thông

Lực lượng Thanh tra giao thông thuộc Thanh tra Sở Giao thông Vận tải:

1. Thực hiện công tác tuần tra, thanh tra, lập biên bản vi phạm hành chính các tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định về quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông, hành lang an toàn đường bộ các tuyến đường thuộc phạm vi quản lý để xử lý theo thẩm quyền hoặc chuyển hồ sơ đề nghị Ủy ban nhân dân cấp huyện xử lý.

2. Phối hợp với lực lượng Thanh tra của Tổng cục Đường bộ Việt Nam, lực lượng Cảnh sát giao thông, Cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội, Cảnh sát phản ứng nhanh và Công an cấp huyện, xã thực hiện công tác tuần tra, kiểm soát và xử lý các vi phạm về kết cấu hạ tầng giao thông, hành lang an toàn đường bộ, trật tự đô thị, trật tự vận tải đường bộ theo Quy chế phối hợp giữa Tổng cục Đường bộ Việt Nam và Tổng cục Cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự an toàn xã hội.

3. Phối hợp với đơn vị trực tiếp quản lý đường bộ, lực lượng Công an và các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện việc cưỡng chế giải tỏa hành lang an toàn đường bộ theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

CHƯƠNG V ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 30. Tổ chức thực hiện

1. Điều chỉnh các vi phạm:

a) Chủ công trình tự đấu nối vào đường bộ trước ngày quy định này có hiệu lực nhưng phù hợp quy hoạch đấu nối được duyệt, đề nghị chủ công trình phối hợp chính quyền địa phương, đơn vị quản lý đường xây dựng hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công đấu nối nút giao và làm thủ tục trình cấp có thẩm quyền xem xét chấp thuận đấu nối và cấp phép thi công như đối với công trình xây dựng mới, nhằm đảm bảo an toàn giao thông và quản lý cấp phép đấu nối nút giao theo quy định.

b) Chủ công trình tự đấu nối vào đường bộ trước ngày quy định này có hiệu lực, không phù hợp với quy hoạch đấu nối được duyệt nhưng chưa ảnh hưởng đến trật tự an toàn giao thông được tạm thời tồn tại; các cơ quan, đơn vị quản lý đường bộ phối hợp với chính quyền địa phương, rà soát, xây dựng phương án xử lý, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, phát sinh, các cơ quan, tổ chức và cá nhân phản ánh kịp thời về Sở Giao thông Vận tải để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Ngọc Nghị

PHỤ LỤC
DANH MỤC ĐƯỜNG BỘ DO SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI QUẢN LÝ
*(Ban hành kèm theo Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng
 giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk)*

TT	Số hiệu	Tên đường (Thường gọi)	Tên gọi theo QHPTGT năm 2014	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)	Quy mô
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
I	Đường tỉnh				Tổng Cộng	381,00	
1	ĐT.687	Tỉnh lộ 7	Tỉnh lộ 7	Km0 (Km48, QL27 xã Đắc Liên, H. Lắk)	Km14 (Xã Buôn Triết, H. Lắk)	14,00	Cấp IV
2	ĐT.688	Tỉnh lộ 8	Tỉnh lộ 8	Km0 (Ranh giới TP. BMT và H. Cư M'gar)	Km35 (Km674+158, QL14, Xã Pong Drang, H. Krông Búk)	35,00	Cấp IV
3	ĐT.689	Tỉnh lộ 9	Tỉnh lộ 9	Km0 (Km123, QL26, TT. Phước An, H. Krông Pắc)	Km27 (Km15, ĐT.692, TT. Krông Kmar, H. Krông Bông)	27,00	Cấp IV
4	ĐT.690	Tỉnh lộ 10	Tỉnh lộ 10	Km0 (Km17, QL27, Xã Ea B'hók, H. Cư Kuin)	Km20 (Km12, ĐT.698, Xã Ea Bông, H. Krông Ana)	20,00	Cấp IV
5	ĐT.692	Tỉnh lộ 12	Tỉnh lộ 12	Km0 (Km30, QL27, Xã Yang	Km53 (Xã Yang Mao, H.	53,00	Cấp IV

TT	Số hiệu	Tên đường (Thường gọi)	Tên gọi theo QHPTGT năm 2014	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)	Quy mô
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
				Réh, H. Krông Bông)	Krông Bông)		
6	ĐT.693	Tỉnh lộ 13	Tỉnh lộ 13	Km0 (Km67+800, QL26, TT. M'Drắk, H. M'Drắk)	Km40 (Km109+790, QL29, Xã Cư P'rao, H. M'Drắk)	40,00	Cấp IV
7	ĐT.693B	Tỉnh lộ 13B	Tỉnh lộ 13B	Km0 (Km67+00, QL26, TT. M'Drắk, H. M'Drắk)	Km29+897 (Km30) Xã Ea M'Doal, huyện M'Drắk (giáp ranh giới tỉnh Phú Yên)	30,00	Cấp IV
8	ĐT.695	Tỉnh lộ 15	Tỉnh lộ 15	Km0 (Km638+540, QL14, TT. Ea Drăng, H. Ea H'Leo)	Km29 (Xã Ea Sol, H. Ea H'leo)	29,00	Cấp IV
9	ĐT.697	Tỉnh lộ 1	Tỉnh lộ 17	Km0 (Ranh giới TP. BMT và H. Buôn Đôn)	Km67 (Xã Ea Lê, H. Ea Súp)	67,00	Cấp IV
10	ĐT.697E	Tỉnh lộ 5	Tỉnh lộ 17E	Km0 (Ranh giới TP. BMT và H. Buôn Đôn)	Km15 (Km13, ĐT.697, Xã Tân Hòa, H. Buôn Đôn)	15,00	Cấp IV
11	ĐT.698	Tỉnh lộ 2	Tỉnh lộ 18	Km0 (Ranh giới TP. BMT và H. Krông Ana)	Km27 (Xã Quảng Điền, H. Krông Ana)	27,00	Cấp IV

TT	Số hiệu	Tên đường (Thường gọi)	Tên gọi theo QHPTGT năm 2014	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)	Quy mô
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
12	ĐT.699	Tỉnh lộ 3	Tỉnh lộ 19	Km0 (Km99, QL26, TT. Ea Kar, H. Ea Kar)	Km24 (Km165+100, QL29, TT. Krông Năng, H. Krông Năng)	24,00	Cấp IV
II	Quốc lộ				Tổng Cộng	342,2	
1	QL27	QL27	QL27	Km0 (Km149+320, QL26 Phường Tân lập, TP. BMT)	Km88+00 (Xã Krông Nô, H. Lắk)	88,00	Cấp IV
2	QL29	QL29	QL29	Km0 (Km109+790 Ranh giới Đắk Lắk - Phú Yên)	Km282+485 (Xã Ea Bung, H. Ea Súp)	172,7	Cấp IV
3	QL14C	QL14C	QL14C	Km202 (Xã Ia Rvê, H. Ea Súp)	Km283+500 (Xã Krông Na, H.Buôn Đôn)	81,5	Cấp IV-V